

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **150/2018/DS-PT**

Ngày 23 - 10 - 2018

V/v: “*Xác định quyền sở hữu, sử dụng
tài sản phân chia tài sản chung để thi
hành án*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/TLDS/2018 ngày 12/3/2018 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản phân chia tài sản chung để thi hành án”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105A/2018/QĐ-PT ngày 01/10/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Võ Thị N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Quốc lộ 1A, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Đặng Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn Th1, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thế Th - Địa chỉ: TDP 10, phường D1, thành phố D, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản uỷ quyền lập ngày 31 /7/2017). Có mặt.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn: Luật sư Vũ Xuân H1 – Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê C, sinh năm 1967. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi

xuất cảnh: Thôn Th1, xã H3, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Đại diện Phòng giao dịch L, thuộc Chi nhánh Ngân hàng N1 huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

3. Ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T; Địa chỉ: Thôn Tân Lý, xã H3, tỉnh Quảng Bình. Ông Lê Thanh B, bà Trần Thị T uỷ quyền cho bà Phạm Thị Huyền T1 (văn bản uỷ quyền lập ngày 19/10/2018); Ông Lê Thanh B và bà T1 có mặt.

4. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B1 tỉnh Quảng Bình, có bà Phan Thị Bích H2 – Chấp hành viên theo quyết định cử đại diện tham gia phiên toà phúc thẩm của Chi cục trưởng thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Quảng Bình số 932/QĐ-CCTHADS ngày 19/10/2018. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2016, đơn xin đình chính nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại các phiên hoà giải nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà Đặng Thị H đã vay của bà một số tiền không trả, nên bà đã khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Đặng Thị H phải trả nợ. Tại bản án sơ thẩm số 04/2012/DSST ngày 08/6/2012 của Toà án nhân dân huyện B1 đã quyết định buộc bà Đặng Thị H phải trả cho bà Võ Thị N số tiền 787.000.000đ, trong đó tiền gốc 750.000.000đ, tiền lãi 37.000.000đ. Ngày 23/3/2015, tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện B1 nguyên đơn bà Võ Thị N và bị đơn bà Đặng Thị H đã lập biên bản thoả thuận, theo đó bà Đặng Thị H sẽ trả cho bà số tiền 100.000.000đ và bà sẽ không yêu cầu thi hành án đối với tài sản ngôi nhà nằm trên thửa đất số 383 tờ bản đồ số 12 tại xã H3 của bà Đặng Thị H. Tuy nhiên, việc bà Đặng Thị H thoả thuận như vậy là nhằm trốn tránh trách nhiệm trả số nợ còn lại là 687.000.000đ và khoản lãi phát sinh cho bà, làm ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống, kinh tế của bà và gia đình. Vì vậy, bà đã tiếp tục yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục buộc bà Đặng Thị H phải trả số nợ còn lại cho bà.

Ngày 20/4/2015, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B1, tỉnh Quảng Bình có quyết định số 224/QĐ-THA buộc bà Đặng Thị H trả tiếp số tiền còn lại 687.000.000đ và khoản lãi phát sinh cho bà nhưng từ đó đến nay bà Đặng Thị H vẫn cố tình không thi hành. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định phần quyền sở hữu tài sản của bà Đặng Thị H trong khối tài sản chung với ông Lê C đối với tài sản là ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383 tờ bản đồ số 12 tại xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình; theo phần bà Đặng Thị H được sở hữu và sử dụng với khối tài sản trên để đảm bảo việc thi hành án theo bản án số 04/2012/DSST ngày 08/6/2012 của Toà án nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Bình để đảm bảo quyền lợi của cho bà.

Bị đơn bà Đặng Thị H trình bày tại các bản tự khai, tại các phiên hoà giải cũng như người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị H là ông Nguyễn Thế Th trình bày thống nhất với nguyên đơn về khoản nợ, về sự thỏa thuận vào ngày 23/3/2015 tại cơ quan thi hành án.

Sau khi thoả thuận bà Đặng Thị H đã trả cho bà Võ Thị N số tiền 100.000.000đ. Nhưng đến ngày 25/4/2016, bà Võ Thị N khởi kiện bà Đặng Thị H yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung để thi hành án. Việc khởi kiện của bà Võ Thị N là không đúng theo quy định của Luật Thi hành án, do vậy bị đơn không đồng ý việc khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra bị đơn bà Đặng Thị H còn có các đơn đề nghị, đơn kiến nghị gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình và các cơ quan như Đoàn Đại biểu Quốc Hội, Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình cùng một nội dung bà không đồng ý việc khởi kiện của nguyên đơn vì bà Võ Thị N không tôn trọng các nội dung cam kết Biên bản thoả thuận Thi hành án dân sự đã lập vào ngày 23/3/2015; việc cơ quan Thi hành án dân sự huyện B1 tiếp tục ra quyết định thi hành án số 224/QĐ-THA ngày 20/4/2015 là không có cơ sở; thửa đất số 383 tờ bản đồ số 12 tại xã H3 vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T ở thôn Thượng Lý, xã H3, huyện B1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư Vũ Xuân Hải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Đặng Thị H không đồng tình với nội dung khởi kiện của bà Võ Thị N và cho rằng việc khởi kiện của bà Võ Thị N là vi phạm Luật thi hành án, đồng thời đề nghị Tòa dừng phiên tòa để xác minh chứng cứ là tài liệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đặng Thị H với ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T, nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận bởi vì tài liệu đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện phòng Giao dịch L, thuộc Chi nhánh Ngân hàng N1 huyện B1, tỉnh Quảng Bình ông Hoàng Nam S - chức vụ: Trưởng phòng giao dịch, trình bày: Khoảng tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 bà Đặng Thị H có vay tại Ngân hàng số tiền 300.000.000đ, do bà Đặng Thị H không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng đã báo cho bà Đặng Thị H số tiền vay của bà đã quá hạn, sau đó bà Đặng Thị H cùng ông Lê Thanh B đến tại Ngân hàng trả số nợ này, việc bà Đặng Thị H có chuyển nhượng đất với ông Lê Thanh B hay không Ngân hàng không biết.

Ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T tại đơn yêu cầu xem xét đề ngày 01/01/2018 và cũng như ý kiến của ông Lê Thanh B tại phiên tòa sơ thẩm trình bày: Giữa bà Đặng Thị H với ông Lê Thanh B, bà Trần Thị T đã lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, UBND huyện B1

đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Lê Thanh B và Trần Thị T, nhưng do phía chuyển nhượng giả mạo chữ ký của ông Lê C, nên UBND huyện B1 đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà, đây là quan hệ pháp luật hành chính giữa UBND huyện B1 với vợ chồng ông bà, còn quan hệ pháp luật dân sự với bà Đặng Thị H vẫn được xác lập mà không thể phủ nhận thực tế việc mua bán này đã xảy ra là sự thật. Ông bà đã chuyển giao nghĩa vụ từ gia đình bị đơn trước sự chứng kiến của Chi nhánh Ngân hàng N1 huyện B1 và UBND xã H3. Ông, bà không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N.

Bà Nguyễn Thị Ánh H5 - Chấp hành viên Chi cục thi hành án Dân sự huyện B1 trình bày: Căn cứ quy định của Luật thi hành án dân sự, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về việc thi hành án, Chấp hành viên sẽ chứng kiến ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngày 23/3/2015, tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện B1 đã lập biên bản tự thỏa thuận của bà Võ Thị N và bà Đặng Thị H.

Ông Bùi Anh S1 - Phó Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án huyện B1 trình bày: Sau khi bà Võ Thị N và bà Đặng Thị H thỏa thuận vào ngày 23/3/2015, cơ quan Viện kiểm sát huyện B1 qua công tác kiểm tra thi hành án có công văn kiến nghị đề nghị tiếp tục ra quyết định thi hành án theo đơn của bà Võ Thị N, vì việc thỏa thuận vào ngày 23/3/2015 đã vi phạm quyền lợi của bà Võ Thị N nên cơ quan Thi hành án có thông báo cho các đương sự biết có quyền thỏa thuận thi hành án, hoặc khởi kiện đến Tòa án theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án. Vì vậy đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Phan Thị Bích H2, đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện B1, tỉnh Quảng Bình cho rằng mặc dù giữa bà Võ Thị Đặng Thị H và Đặng Thị H có thỏa thuận về thi hành án nhưng sự thỏa thuận này có nhiều nội dung. Trong đó có thỏa thuận thi hành án trước 100.000.000đồng, còn 687.000.000đ sẽ yêu cầu thi hành sau. Do đó bà Võ Thị N vẫn có quyền khởi kiện để xác định tài sản thi hành án trong vụ án này.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Lê C thừa nhận tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T ông không ký vào hợp đồng và khi đó do ông lao động tự do tại Hàn Quốc nên cũng không thể làm uỷ quyền cho vợ ông được. Nay ông đồng ý như trình bày của vợ ông là bà Đặng Thị Đặng Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, Điều 74 Luật Thi hành án Dân sự, xử:

1 .Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị N, xử: Xác định tài sản là ngôi nhà cấp 4 và Quyền sử dụng đất thửa số 383, tờ bản đồ số 12, có địa chỉ tại thôn Thượng Hòa, xã H3, huyện B1 với diện tích:107m², diện tích thực tế: 113m². Tổng trị giá: 705.140.000đ là tài sản chung của vợ chồng bà Đặng Thị H và ông Lê C. Xác định 1/2 tài sản nói trên là tài sản của bà Đặng Thị H đảm bảo cho việc thi hành án số tiền mà bà Đặng Thị H còn nợ bà Võ Thị N là 687.000.000đ.

2. Tuyên bán đấu giá tài sản gồm ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất thửa số 383, tờ bản đồ 12, Diện tích: 107m², diện tích thực tế: 113m², có vị trí tại Thôn Thượng Hòa, xã H3, huyện B1 mang tên ông Lê C, bà Đặng Thị H, trị giá: 705.140.000đ.

Ưu tiên cho bà Đặng Thị H mua lại tài sản này để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị N. Nếu bà Đặng Thị H không mua, thì bà Võ Thị N có quyền mua lại tài sản trên và có trách nhiệm trả lại 1/2 trị giá tài sản cho ông Lê C. So với số tiền nợ, nếu số tiền bán tài sản trên đủ để trả cho bà Võ Thị N thì khấu trừ, nếu bán số tài sản trên còn tiền so với số nợ thì bà Võ Thị N có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Thị H, nếu số tiền bán tài sản không đủ trả hết số tiền bà Đặng Thị H còn nợ thì bà Đặng Thị H có trách nhiệm tiếp tục trả bổ sung cho hết số nợ còn lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Ngày 22/1/2018, Ông Lê Thanh B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị Toà phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng chúng tôi (ông Lê Thanh B).

Cùng ngày 22/1/2018, bà Đặng Thị H, là bị đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ tuyên xác định ½ tài sản là ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12 có địa chỉ tại thôn Th1, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình là tài sản của bà Đặng Thị H để đảm bảo cho việc thi hành án số tiền mà bà Đặng Thị H còn nợ bà Võ Thị N 687.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện phòng giao dịch L – thuộc Chi nhánh Ngân hàng N1 huyện B1, tỉnh Quảng Bình, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nhưng xét thấy sự vắng mặt của Đại diện phòng giao dịch L không trở ngại cho việc xét xử vụ án. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Xuất phát từ quyền yêu cầu thi hành án đối với Bản án số 04/2012/DSST ngày 8/6/2012 của Toà án nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Bình đã quyết định bà Đặng Thị H phải trả cho bà Võ Thị N số tiền 787.000.000 đồng. Quá trình giải quyết thi hành án, giữa bà Võ Thị N và bà Đặng Thị H đã lập biên bản thoả thuận thi hành án ngày 23/3/2015. Xét biên bản thoả thuận này thấy, hai bên đã thoả thuận các nội dung: “- Bà Võ Thị N đồng ý cho bà Đặng Thị H nộp 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng chẵn); -Bà Võ Thị N cam đoan sẽ không đề nghị xử lý tài sản là ngôi nhà nằm trên thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xã H3, huyện B1; - Số tiền còn lại 687.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn) bà Võ Thị N sẽ yêu cầu thi hành án khi bà Đặng Thị H có điều kiện thi hành án trở lại...”. Như vậy theo thoả thuận này, thì hai bên thi hành 100.000.000 đồng trước, số tiền còn lại sẽ yêu cầu thi hành sau khi bà Đặng Thị H có điều kiện thi hành. Do đó, bà Võ Thị N có quyền yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền 687.000.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Võ Thị N là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tài sản là ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình đã được Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê C và bà Đặng Thị H vào ngày 4 tháng 7 năm 2006. Theo bà Đặng Thị H thì bà Đặng Thị H đã chuyển nhượng tài sản này cho vợ chồng ông Lê Thanh B, bà Trần Thị T vào năm 2011. Ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T đã được Ủy ban

nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 247421, cấp ngày 14/6/2011. Nhưng tại Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của Ủy ban nhân dân huyện B1 đã thu hồi, huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BG 247421, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00264; thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, diện tích 107m², đất ở tại nông thôn do UBND huyện B1 cấp ngày 14/6/2011 cho ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T. Lý do thu hồi, huỷ bỏ: Do giả mạo chữ ký của bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại phiên toà phúc thẩm, bà Đặng Thị H và ông Lê Thanh B cũng thừa nhận nội dung này. Như vậy, tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, diện tích 107m², tại thôn Th1, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình là tài sản chung của ông Lê C và bà Đặng Thị H.

[2.3] Theo lời khai của bị đơn bà Đặng Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B, hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, tại thôn Th1, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình từ năm 2011 và đã được Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp giấy chứng nhận vào ngày 14/6/2011 nhưng đã bị Ủy ban nhân dân huyện B1 thu hồi, huỷ bỏ giấy chứng nhận này. Theo ông Lê Thanh B đây là quan hệ pháp luật hành chính, ông là người sở hữu tài sản nhà và đất này. Như vậy cho đến thời điểm xét xử phúc thẩm, ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T vẫn không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12 nêu trên. Theo quy định tại khoản 16, Điều 3 Luật đất đai năm 2013 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất. Do đó, về mặt pháp luật ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T chưa được nhà nước công nhận các quyền năng đối với tài sản là nhà gắn với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thôn Thương Hoà, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình. Do đó, vấn đề chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản giữa ông Lê C và bà Đặng Thị H với ông Lê Thanh B và bà Trần Thị T mà hai bên xác lập, đã được ủy ban nhân dân xã H3 chứng thực vào ngày 9/5/2011 là một quan hệ dân sự khác, đương sự có quyền khởi kiện một vụ án dân sự độc lập khi xét thấy quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm.

[2.4] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Võ Thị N yêu cầu : Xác định phần quyền sở hữu của bà Đặng Thị H trong khối tài sản chung với ông Lê C đối

với tài sản là ngôi nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 383, tờ bản đồ số 12 tại xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình; theo phần bà Đặng Thị H được sở hữu và sử dụng $\frac{1}{2}$ khối tài sản trên để đảm bảo thi hành Bản án theo quy định của pháp luật nhưng Toà án cấp sơ thẩm khi xét xử đã tuyên bán đấu giá tài sản này là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ tuyên phần xác định $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung của ông Lê C và bà Đặng Thị H là của bà Đặng Thị H.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ tuyên xác định $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung của ông Lê C và bà Đặng Thị H là của bà Đặng Thị H.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị H và ông Lê Thanh B phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị H và kháng cáo của ông Lê Thanh B. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 12/1/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Thị N, xử:

Xác định tài sản là ngôi nhà cấp 4 và Quyền sử dụng đất thửa số 383, tờ bản đồ số 12, có địa chỉ tại thôn Th1, xã H3, huyện B1, tỉnh Quảng Bình với diện tích $107m^2$ (diện tích thực tế $113m^2$). Tổng giá trị 705.140.000đ là tài sản chung của vợ chồng bà Đặng Thị H và ông Lê C. Xác định $\frac{1}{2}$ tài sản nói trên là tài sản của bà Đặng Thị H đảm bảo cho việc thi hành án số tiền mà Đặng Thị H còn nợ bà Võ Thị N 687.000.000 đồng (sáu trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

2. Về án phí phúc thẩm dân sự:

- Ông Lê Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm dân sự. Ông Bình đã nộp đủ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004982 ngày 31/1/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm dân sự. Bà Đặng Thị H đã nộp đủ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004980 ngày 31/1/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao
- Các đương sự;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- Tòa án Tỉnh Quảng Bình;
- VKS Tỉnh Quảng Bình;.
- Cục THADS Tỉnh Quảng Bình;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường